

THỐNG KÊ ĐIỂM SỐ HỌC SINH TIỂU HỌC CUỐI HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2023 - 2024

	Toàn trường				Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5			
	Tổng số	Tỉ lệ	Nữ	Khuyết tật	Tổng số	Tỉ lệ	Trong tổng số		Tổng số	Tỉ lệ	Trong tổng số		Tổng số	Tỉ lệ	Trong tổng số		Tổng số	Tỉ lệ	Trong tổng số		Tổng số	Tỉ lệ	Trong tổng số	
							Nữ	Khuyết tật			Nữ	Khuyết tật			Nữ	Khuyết tật			Nữ	Khuyết tật				
1. Tiếng Việt	378		155	3	96		45	0	65		26	0	78		35	0	77		23	1	62		26	2
Điểm 10	58	15.34	34	0	16	16.67	11	0	8	12.31	3	0	12	15.38	9	0	5	6.49	3	0	17	27.42	8	0
Điểm 9	110	29.10	58	0	21	21.88	12	0	20	30.77	11	0	31	39.74	15	0	11	14.29	5	0	27	43.55	15	0
Điểm 8	109	28.84	43	0	38	39.58	17	0	22	33.85	9	0	19	24.36	8	0	23	29.87	7	0	7	11.29	2	0
Điểm 7	60	15.87	12	0	14	14.58	3	0	12	18.46	3	0	8	10.26	2	0	19	24.68	3	0	7	11.29	1	0
Điểm 6	23	6.08	6	0	3	3.13	1	0	2	3.08	0	0	7	8.97	1	0	9	11.69	4	0	2	3.23	0	0
Điểm 5	13	3.44	1	3	1	1.04	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	10	12.99	1	1	2	3.23	0	2
Dưới điểm 5	5	1.32	1	0	3	3.13	1	0	1	1.54	0	0	1	1.28	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0
2. Toán	378		155	3	96		45	0	65		26	0	78		35	0	77		23	1	62		26	2
Điểm 10	119	31.48	53	0	47	48.96	23	0	14	21.54	9	0	17	21.79	8	0	29	37.66	10	0	12	19.35	3	0
Điểm 9	103	27.25	37	0	9	9.38	6	0	23	35.38	5	0	23	29.49	10	0	21	27.27	3	0	27	43.55	13	0
Điểm 8	77	20.37	36	0	31	32.29	14	0	18	27.69	8	0	10	12.82	5	0	9	11.69	3	0	9	14.52	6	0
Điểm 7	42	11.11	15	0	6	6.25	1	0	8	12.31	3	0	10	12.82	3	0	10	0.00	5	0	8	12.90	3	0
Điểm 6	18	4.76	8	0	0	0.00	0	0	1	1.54	1	0	11	14.10	6	0	3	3.90	0	0	3	4.84	1	0
Điểm 5	14	3.70	5	3	1	1.04	0	0	0	0.00	0	0	5	6.41	3	0	5	6.49	2	1	3	4.84	0	2
Dưới điểm 5	5	1.32	1	0	2	2.08	1	0	1	1.54	0	0	2	2.56	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0
3. Khoa học	139		49	3													77		23	1	62		26	2
Điểm 10	47	33.81	19	0													36	46.75	14	0	11	17.74	5	0
Điểm 9	44	31.65	10	0													21	27.27	5	0	23	37.10	5	0
Điểm 8	32	23.02	16	0													17	22.08	3	0	15	24.19	13	0
Điểm 7	10	7.19	4	0													1	1.30	1	0	9	14.52	3	0
Điểm 6	2	1.44	0	0													0	0.00	0	0	2	3.23	0	0
Điểm 5	4	2.88	0	3													2	2.60	0	1	2	3.23	0	2
Dưới điểm 5	0	0.00	0	0													0	0.00	0	0	0	0.00	0	0
4. Lịch sử và Địa lý	139		49	3													77		23	1	62		26	2
Điểm 10	12	8.63	3	0													1	1.30	1	0	11	17.74	2	0
Điểm 9	44	31.65	16	0													29	37.66	9	0	15	24.19	7	0
Điểm 8	41	29.50	16	0													22	28.57	6	0	19	30.65	10	0

Điểm 7	25	17.99	10	0												14	18.18	5	0	11	17.74	5	0	
Điểm 6	7	5.04	2	1												4	5.19	0	0	3	4.84	2	1	
Điểm 5	10	7.19	2	2												7	9.09	2	1	3	4.84	0	1	
Dưới điểm 5	0	0.00	0	0												0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	
5. Tiếng Anh	217		84	3	0		0	0	0		0	0	78		35	0	77		23	1	62		26	2
Điểm 10	74	34.10	35	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	29	37.18	18	0	22	28.57	10	0	23	37.10	7	0
Điểm 9	50	23.04	16	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	19	24.36	6	0	21	27.27	4	0	10	16.13	6	0
Điểm 8	29	13.36	16	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	12	15.38	6	0	11	14.29	4	0	6	9.68	6	0
Điểm 7	22	10.14	7	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	5	6.41	3	0	12	15.58	4	0	5	8.06	0	0
Điểm 6	20	9.22	2	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	9	11.54	2	0	5	6.49	0	0	6	9.68	0	0
Điểm 5	22	10.14	8	3	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	4	5.13	0	0	6	7.79	1	1	12	19.35	7	2
Dưới điểm 5	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0
6. Tin học	217		84	3									78		35	0	77		23	1	62		26	2
Điểm 10	7	3.23	2	0									4	5.13	2	0	1	1.30	0	0	2	3.23	0	0
Điểm 9	91	41.94	40	0									31	39.74	16	0	36	46.75	14	0	24	38.71	10	0
Điểm 8	59	27.19	27	0									17	21.79	9	0	20	25.97	7	0	22	35.48	11	0
Điểm 7	52	23.96	15	0									22	28.21	8	0	19	24.68	2	0	11	17.74	5	0
Điểm 6	5	2.30	0	1									3	3.85	0	0	0	0.00	0	0	2	3.23	0	1
Điểm 5	3	1.38	0	2									1	1.28	0	0	1	1.30	0	1	1	1.61	0	1
Dưới điểm 5	0	0.00	0	0									0	0.00	0	0	0	0.00	0	0	0	0.00	0	0
6. Công nghệ	155		58	1									78		35	0	77		23	1				
Điểm 10	10	6.45	6	0									2	2.56	1	0	8	10.39	5	0				
Điểm 9	63	40.65	26	0									34	43.59	17	0	29	37.66	9	0				
Điểm 8	46	29.68	18	0									18	23.08	10	0	28	36.36	8	0				
Điểm 7	32	20.65	8	0									22	28.21	7	0	10	12.99	1	0				
Điểm 6	1	0.65	0	0									0	0.00	0	0	1	1.30	0	0				
Điểm 5	3	1.94	0	1									2	2.56	0	0	1	1.30	0	1				
Dưới điểm 5	0	0.00	0	0									0	0.00	0	0	0	0.00	0	0				

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Thái